TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 20/2023/DS-ST
Ngày 22-3-2023
V/v tranh chấp kiện đòi quyền khác về tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Đào Duy Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp kiện đòi quyền khác về tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Chính P; nơi cư trú: Thôn 8, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam; địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng – Tổng giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Văn Công – Trưởng phòng Kinh doanh chi nhánh Nam Am Đông Hải Phòng (theo giấy ủy quyền ngày 15-12-2022); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn 8, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Lê Thị V; ĐKHKTT: Thôn 9, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, nguyên đơn ông Phạm Chính P trình bày: Ông Phạm Chính P được Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 ngày 28-11-1999 đối với diện tích đất 475m^2 tại thửa đất số 890, 891, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Thôn ĐA, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Ngày 20-4-2011, vợ chồng ông Phạm Chính P, bà Đặng Thị T có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Am Đông Hải Phòng số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 63/HĐTD, tài sản thế chấp là diện tích đất 475m^2 tại thửa đất số 890, 891, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Thôn ĐA, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 đứng tên Phạm Chính P. Bà Lê Thị V nguyên là cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Am Đông Hải Phòng đã làm thủ tục vay vốn, thế chấp cho vợ chồng ông P, bà T để vay số tiền 25.000.000 đồng nhưng bà V đã viết thành vay 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng) để vay ké số tiền 325.000.000đ (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng) mà không thông báo, trao đổi với vợ chồng ông P, bà T. Ngày 12-10-2012, vợ chồng ông P đã đưa cho bà V số tiền 28.185.000đ để thanh toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 63/HĐTD ngày 20-4-2011 gồm 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 3.185.000đ (Ba triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền lãi nhưng bà V đã không trả cho Ngân hàng và không đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông P. Với hành vi của mình tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2018/HS-ST ngày 07-6-2018 bà Lê Thị V đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và buộc bà V phải bồi thường cho Ngân hàng số tiền đã chiếm đoạt nhưng chưa buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải trả cho vợ chồng ông P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải trả cho vợ chồng ông P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 đứng tên ông Phạm Phúc Chính.

Người đại diện của bị đơn Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam trình bày:

Hiện nay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đang giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 đứng tên Phạm Chính P là tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay đứng tên ông Phạm Chính P. Vợ chồng ông Phạm Chính P, bà Đặng Thị T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay đứng tên bà Đặng Thị T số nợ gốc 350.000.000 đồng và tiền lãi. Khoản vay này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất 475m^2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 mang tên ông Phạm Chính P. Nên Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam không trả giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 mang tên ông Phạm Chính P được vì còn liên quan đến hợp đồng tín dụng số 63/HĐTD chưa được tất toán là Hợp đồng tín dụng mang tên bà Đặng Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T: Thống nhất với lời khai và đề nghị của nguyên đơn ông Phạm Chính P.

Bà Lê Thị V trình bày: Bà V là cán bộ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Am Đông Hải Phòng từ năm 1980 đến tháng 11 năm 2012. Trong thời gian này bà V đã thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tại Bản án số 47/2018/HSST ngày 07-6-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, bà V đã bị kết án tù chung thân về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và phải bồi thường cho Ngân hàng số tiền chiếm đoạt, trong việc lừa đảo có việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Chính P, hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phía Ngân hàng đang chiếm giữ. Nay bà V đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là ông Phạm Chính P có đơn khởi kiện về việc tranh chấp kiện đòi quyền khác đối với tài sản, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải

trả lại ông Phạm Chính P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 mang tên ông Phạm Chính P; về án phí bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch với số tiền là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua các tài liệu của vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp quyền khác đối với tài sản, theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không ai có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai đề nghị bổ sung người tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử không bổ sung ai tham gia tố tụng ngoài những người đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[4] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Chính P, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Ngô Văn Công, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, bà Lê Thị V vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, nhưng đều có đơn đề nghị xét xử, giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Chính P:

[5] Trên cơ sở lời khai các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được như sau: Bà Lê Thị V nguyên là cán bộ tín dụng của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Nam Am Đông Hải Phòng đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 đứng tên ông Phạm Chính P và giấy tờ cá nhân của ông Phạm Chính P, bà Đặng Thị T để lập hồ sơ tín dụng khống nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của Ngân hàng. Bà V đã dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng 475m^2 đất tại thửa đất số 890, 891, tờ bản đồ số 06; địa chỉ: Thôn ĐA, xã TC, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 đứng tên ông

Phạm Chính P để thế chấp cho Ngân hàng, nâng khống khoản vay của vợ chồng ông P từ 25.000.000đ thành 350.000.000đ và bản thân vợ chồng ông P đã trả khoản nợ 25.000.000đ cho bà Lê Thị V. Với hành vi này, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 47/2018/HS-ST ngày 07-6-2018 bà Lê Thị V đã bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt tù chung thân về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và buộc bà V phải bồi thường cho Ngân hàng số tiền đã chiếm đoạt. Ngân hàng không trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P với lý do, vợ chồng ông P, bà T chưa trả tiền cho Ngân hàng. Việc bà V lập hồ sơ vay khống tiền Ngân hàng và dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P để bảo đảm. Hành vi này của bà V đã bị xử lý hình sự. Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 47/2018/HS-ST ngày 07-6-2018 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng kiến nghị Ngân hàng trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các giấy tờ liên quan đến nhân thân của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Chính P. Như vậy, cần xác định giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Phạm Chính P không phải là tài sản bảo đảm cho khoản tiền vay đứng tên bà T. Nên việc Ngân hàng không đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn ông P là không có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của ông P, buộc Ngân hàng phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ và phù hợp quy định tại các điều 163, 164, 166 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, Điều 144, khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 164, khoản 1 Điều 166, điểm khoản 1 Điều 227, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các điều 163, 164, 166, 688 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Chính P.

Buộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải trả cho ông Phạm Chính P Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M031643 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Bảo cấp ngày 28-11-1999 mang tên Phạm Chính P.

2- Về án phí: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại ông Phạm Phúc Chính số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0002361 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

3- Về quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn ông Phạm Chính P, bị đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, bà Lê Thị V vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4- Về quyền yêu cầu thi hành: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Duy Việt